

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2025

Triển khai Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2025, cụ thể như sau:

PHẦN I ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

Triển khai kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuyển đổi số và đã đạt nhiều kết quả quan trọng: Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách được lãnh đạo, chỉ đạo có kết quả, tạo môi trường pháp lý cho chuyển đổi số; triển khai Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và kết nối, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; các cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực như dân cư, y tế, giáo dục, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp... được tích cực triển khai. Dịch vụ công trực tuyến được đẩy mạnh, đem lại hiệu quả thiết thực, từng bước xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp. Hạ tầng số ngày càng được quan tâm, triển khai tích cực. Các cơ sở y tế, giáo dục đã tích cực triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và đạt kết quả khả quan.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

PHẦN II NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. Căn cứ lập kế hoạch

Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025; các văn bản có liên quan (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Xác định nội dung cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số cần ưu tiên triển khai trong năm 2025 trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh Kon Tum.

- Phân công cụ thể cho từng đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện từng nhiệm vụ; có mục tiêu, định lượng, có thời hạn hoàn thành; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; làm cơ sở hướng đến hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong nghị quyết, đề án chuyển đổi số của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Quá trình chuyển đổi số phải gắn kết đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Đề án 06, xây dựng đô thị thông minh, nông thôn mới và cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh góp phần cải thiện mạnh mẽ chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.

- Người đứng đầu đơn vị, địa phương phải chủ động, tích cực, có giải pháp và quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá mức độ, hiệu quả của chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương để có giải pháp thúc đẩy kịp thời.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền đến mọi người dân, doanh nghiệp để tạo đồng thuận, thống nhất cao.

III. Mục tiêu chung

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- 100% thủ trưởng các đơn vị, địa phương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 đảm bảo các chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹, Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

- 100% thủ trưởng các đơn vị, địa phương tiên phong về ứng dụng và sử dụng thành thạo công nghệ trong công việc, nhằm góp phần tạo được động lực cho đội ngũ chuyển đổi cách làm việc theo xu hướng thời đại; đồng thời, lãnh đạo tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nhận thức số, chia sẻ thông tin về công nghệ mới nhất để giúp cán bộ luôn cập nhật và hòa nhập với văn hóa đổi mới số.

2. Công tác kiểm tra, giám sát: 100% đơn vị, địa phương định kỳ hằng quý tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

IV. Chỉ tiêu cụ thể

1. Về hạ tầng số

- Triển khai nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; vận hành hiệu quả Kho cơ sở dữ liệu của tỉnh.

- 100% các thôn đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng di động 4G; 100% trung tâm các huyện được phủ sóng di động 5G.

- 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng (*khi có nhu cầu*).

2. Về Nhân lực số

¹ Về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- 100% sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phân công đầu mối thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng công tác chuyển đổi số và an toàn an ninh thông tin mạng.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các ứng dụng CNTT nhằm thúc đẩy mạnh mẽ công tác chuyển đổi số².

3. Về chính quyền số

- Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 95% và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (*bao gồm thiết bị di động*).

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 95% trở lên.

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% văn bản (*trừ văn bản mật*) trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp huyện đạt 100%; cấp xã đạt 100%.

4. Về kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trên RGDP đạt tối thiểu 12%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

² Hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt; Hướng dẫn mua bán trên sàn thương mại điện tử Việt Nam; Hướng dẫn bảo vệ bản thân và gia đình trên môi trường mạng; Hướng dẫn tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet; Hướng dẫn, hỗ trợ cài đặt phần mềm VNeID và kích hoạt tài khoản định danh điện tử,...

- 100% Trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng thuộc diện triển khai theo kế hoạch năm của ngành thuế phải triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

5. Về xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với học sinh đạt 100%. Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

6. Về dữ liệu số

- 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- 100% các thông tin, dữ liệu của địa phương được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội.

- Phấn đấu 50% chỉ tiêu thống kê của tỉnh được cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dưới dạng dữ liệu số.

- Phấn đấu 100% chỉ tiêu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP³, Nghị quyết số 02/NQ-CP⁴ hằng năm của Chính phủ và Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ⁵ được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số.

- 100% CSDL dùng chung, CSDL mở (*ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023*) được cập nhật đảm bảo, đúng quy định.

7. Về an toàn an ninh thông tin

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

- Tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

- Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

³ Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

⁴ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

⁵ Về việc ban hành khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

V. Nhiệm vụ, giải pháp và phân công thực hiện

1. Thể chế, chính sách số

a) Tham mưu ban hành Đề án chuyển đổi số Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2026-2030.

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- *Cơ quan phối hợp:* Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành:* Quý II năm 2025.

b) Tham mưu ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2025, định hướng năm 2030.

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- *Cơ quan phối hợp:* Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành:* Quý I năm 2025.

c) Tham mưu ban hành Kế hoạch, Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- *Cơ quan phối hợp:* Liên minh Hợp tác xã; Hội Nông dân; các địa phương, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành:* Quý I năm 2025.

d) Tham mưu ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số tỉnh Kon Tum:

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Thông tin và Truyền thông.
- *Cơ quan phối hợp:* Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành:* Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1701/UBND-KGVX ngày 17 tháng 5 năm 2024⁶.

e) Tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025

- *Cơ quan chủ trì:* Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành:* Tháng 02 năm 2025.

f) Tham mưu ban hành Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Thông tin và Truyền thông
- *Cơ quan phối hợp:* Các đơn vị, địa phương; Đài Phát thanh và Truyền hình; Công ty Điện lực Kon Tum; các doanh nghiệp viễn thông.
- *Thời gian hoàn thành:* Năm 2025-2026.

⁶ Về chủ trương thuê tư vấn xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số.

g) Tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030”.

- *Cơ quan chủ trì*: Ban Dân tộc tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp*: Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành*: Năm 2025.

h) Tham mưu sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Thông tin và Truyền thông.
- *Cơ quan phối hợp*: Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành*: Trước ngày 20 tháng 02 năm 2025.

i) Tham mưu nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số.

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Tài chính.
- *Cơ quan phối hợp*: Sở Thông tin và Truyền thông.
- *Thời gian hoàn thành*: Tháng 4 năm 2025.

2. Hạ tầng số

a) Triển khai đo chất lượng mạng viễn thông di động; lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps, yêu cầu doanh nghiệp viễn thông đảm bảo tốc độ mạng viễn thông di động.

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Thông tin và Truyền thông
- *Cơ quan phối hợp*: Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành*: Hằng tuần.

b) Triển khai nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây và kết nối, chia sẻ với Trung tâm dữ liệu quốc gia (theo hướng dẫn của Bộ công an).

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Thông tin và Truyền thông.
- *Cơ quan phối hợp*: Công an tỉnh, các địa phương, đơn vị có liên quan.
- *Thời gian hoàn thành*: Năm 2025.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số phát triển hạ tầng truy cập băng rộng cho người dân, phổ cập điện thoại thông minh⁷.

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Thông tin và Truyền thông.
- *Cơ quan phối hợp*: Các doanh nghiệp viễn thông; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- *Thời gian hoàn thành*: Năm 2025.

⁷ Theo Quyết định số 1110/QĐ-BTTTT ngày 02/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch nâng cao chất lượng viễn thông di động Việt Nam đến năm 2025; Quyết định số 816/QĐ-BTTTT ngày 18/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông Việt Nam giai đoạn 2024-2025.

d) Triển khai Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại các xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

e) Triển khai hệ thống WIFI công cộng đến các khu sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng.

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

f) Nghiên cứu triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (ứng dụng AI) giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

3. Nhân lực số

a) Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

b) Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực truyền thông cho lãnh đạo cơ quan báo chí địa phương; cán bộ làm công tác truyền thông, Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị, địa phương, cơ quan báo chí địa phương, Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

c) Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

** Các địa phương xây dựng Kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (ngoài thành phần Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức).*

d) Hướng dẫn người dân các kỹ năng ứng dụng các nền tảng số và an toàn thông tin.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; Tỉnh đoàn Kon Tum; các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

e) Triển khai tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin trên môi trường mạng cho học sinh các Trường THCS, THPT, DTNT.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

f) Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về AI ứng dụng cho cán bộ, công chức, viên chức

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

4. Nhận thức số

a) Thực hiện thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công qua các kênh truyền thông, trong đó:

- Chuyên trang Chuyển đổi số của tỉnh: Tần suất cập nhật 1 tuần/1 lần.

Thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cổng thông tin điện tử tỉnh: Tối thiểu 20 tin, bài về Chuyển đổi số trong năm.

Thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trang thông tin điện tử: Số lượng tin, bài về Chuyển đổi số trong năm đạt 20 tin/bài/.

Thực hiện: Các đơn vị, địa phương (bao gồm cấp xã).

- Chuyên mục Chuyển đổi số của Báo Kon Tum: Tần suất 1 tháng/1 lần).

Thực hiện: Báo Kon Tum.

- Phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên sóng phát thanh, truyền hình: Tần suất 1 tuần/1 lần.

Thực hiện: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Hệ thống thông tin cơ sở: Tần suất 1 tuần/1 lần.

Thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã.

b) Tuyên truyền, hướng dẫn chuyển đổi số và sử dụng cơ sở dữ liệu dân cư theo Đề án 06.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan, Tỉnh đoàn, Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký cấp điện mới, upload hình ảnh hồ sơ, tra cứu thông tin cắt điện trên cổng thông tin <https://cskh.cpc.vn>, ứng dụng di động App EVNCPC CSKH (android, IOS).

- Cơ quan chủ trì: Công ty Điện lực Kon Tum.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan báo chí tỉnh; Tổ công nghệ số cộng đồng; các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

d) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 10 năm 2025.

5. Nền tảng số

a) Triển khai (thuê dịch vụ công nghệ thông tin) phần mềm Trung tâm điều hành giáo dục; phần mềm học tập trực tuyến; phần mềm học bạ số.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Triển khai nâng cấp (Chuyển từ hệ thống vật lý lên đám mây), hoàn thiện, duy trì hệ thống CSDL đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý đất đai.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025-2026.

c) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Kon Tum.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025-2026.

d) Triển khai Hệ thống Quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh Kon Tum.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

e) Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu số hóa bảo tàng, di sản văn hóa, hệ thống tích lịch sử trên địa bàn tỉnh; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Kon Tum.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

f) Triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin Nền tảng xác thực tập trung SSO tỉnh Kon Tum

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

g) Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

6. Dữ liệu số

a) Rà soát, cập nhật Danh mục CSDL dùng chung, CSDL mở (*ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023*).

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

b) Triển khai dữ liệu mở để các đơn vị, doanh nghiệp, trường học nghiên cứu, sử dụng tạo ra sản phẩm mới.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

c) Số hóa, cung cấp dữ liệu phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan chủ trì: Các đơn vị, địa phương.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

d) Số hóa các tài liệu của ngành, địa phương

- Cơ quan chủ trì: Các đơn vị, địa phương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

e) Định kỳ cung cấp thông tin, cập nhật biến động dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu quốc gia theo Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

- Cơ quan chủ trì: Các đơn vị liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia theo Phụ lục của Nghị định số 47/2024/NĐ-CP.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian triển khai: Thường xuyên (*theo hướng dẫn của bộ, ngành chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia*).

f) Số hóa dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Công an tỉnh,...

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

g) Phối hợp kết nối, khai thác và sử dụng ngay các dịch vụ dữ liệu đã sẵn sàng cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

- Thời gian triển khai: Quý I năm 2025.

7. An toàn thông tin mạng

a) Tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố ATTT trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Đội ngũ chuyên trách/kiêm nhiệm về ATTT của các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 11 năm 2025.

b) Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin, 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

c) Rà soát, triển khai 100% Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 7 năm 2025.

d) Tổ chức diễn tập thực chiến cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

- Cơ quan chủ trì: Các đơn vị Chủ quản hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT/CC); các doanh nghiệp viễn thông; doanh nghiệp về an ninh mạng,...

- Thời gian hoàn thành: Tháng 10 năm 2025.

e) Triển khai mỗi người dân được hướng dẫn, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh; Tỉnh đoàn; các địa phương, đơn vị; Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

8. Chính quyền số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Phổ cập dịch vụ công trực tuyến toàn trình tới mọi người dân, doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 4338/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 10 năm 2024 về Khung triển khai dịch vụ công trực tuyến, cụ thể:

+ Rà soát, tái cấu trúc quy trình, thành phần hồ sơ thủ tục hành chính. Hoàn thành trong quý I năm 2025.

+ Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thành trong quý I năm 2025.

+ Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng quy định pháp luật. Hoàn thành trong quý I năm 2025.

+ Triển khai các ứng dụng số cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên thiết bị di động. Hoàn thành trong năm 2025.

+ Số hóa, tạo lập kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính; kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân. Hoàn thành trong năm 2025.

+ Ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn về dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Hoàn thành trong quý I năm 2025.

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Thực hiện thường xuyên.

+ Triển khai các giải pháp để người dân có thể giám sát việc xử lý hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước, bảo đảm tối thiểu một trong ba phương thức trao đổi thông tin, trạng thái về hồ sơ điện tử giữa người dân gồm: email, SMS và thông báo trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Nghiên cứu bổ sung phương thức trao đổi thông tin, trạng thái hồ sơ qua các ứng dụng OTT (như Zalo). Hoàn thành trong năm 2025.

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

b) Quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số.

Triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo,

điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Cơ quan chủ trì: Các đơn vị, địa phương.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

c) Ứng dụng công nghệ mới (trợ lý ảo, ...) hình thành công cụ hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong tham mưu, giải quyết công việc: Triển khai Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức; Nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.
- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

9. Kinh tế số

a) Đo lường kinh tế số hàng năm theo hướng dẫn của Tổng Cục Thống kê.

- Cơ quan chủ trì: Cục Thống kê tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; các địa phương, đơn vị có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

b) Phát triển kinh tế số lĩnh vực ưu tiên, đột phá về nông nghiệp công nghệ cao; du lịch thông minh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Cục Thống kê tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.
- Thời gian triển khai: Năm 2025.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Cục Thống kê tỉnh; các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

d) Triển khai hỗ trợ công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

e) Thúc đẩy triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về cơ quan thuế.

- Cơ quan chủ trì: Cục Thuế tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

f) Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp số hóa, tự động hóa và quản trị số nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh sản phẩm, giảm phát thải.

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian triển khai: Năm 2025.

g) Tiếp tục triển khai ký số Hợp đồng điện tử trong các lĩnh vực điện, nước, viễn thông.

- Cơ quan chủ trì: Công ty Điện lực Kon Tum; Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum; các doanh nghiệp viễn thông.

- Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương; Sở Thông tin và Truyền thông; các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

10. Xã hội số

a) Triển khai mỗi người dân trưởng thành có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ lý số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ, tiện ích số.

- Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị cung cấp chữ ký số công cộng; các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Triển khai mỗi hộ kinh doanh, mỗi dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán điện tử.

- Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Kon Tum.

- Cơ quan phối hợp: Các ngân hàng, tổ chức tín dụng; các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan.

- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

c) Triển khai trường học số, ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; công tác giảng dạy và học tập; ứng dụng hồ sơ học bạ điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ quan phối hợp: Các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

d) Triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử

dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

- Cơ quan phối hợp: Các bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh; các địa phương, đơn vị có liên quan.

- Thời gian triển khai: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

VI. Kinh phí

1. Đối với nhiệm vụ của cơ quan nhà nước

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán của cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2025 theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số của doanh nghiệp

- Kinh phí triển khai là của doanh nghiệp để chuyển đổi sang mô hình kinh doanh mới.

- Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (*phục vụ công tác kết nối, tư vấn, tập huấn, ...*).

VII. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị, địa phương theo chức năng nhiệm vụ:

- Tổ chức quản trịệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công. Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- Trên cơ sở nội dung kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo triển khai hiệu quả nhiệm vụ được giao, gửi Sở Tài chính thẩm định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện đúng quy định; đồng thời chủ động huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

- Ưu tiên bố trí tối thiểu 01% tổng chi thường xuyên của từng cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh (trong đó đảm bảo 10% chi phí đầu tư cho an toàn, an ninh mạng) của đơn vị, cấp mình theo quy định tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chú trọng trang bị máy vi tính cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ làm việc (*thay thế số máy tính đã xuống cấp, cấu hình thấp, hết khấu hao tài sản*).

- Định kỳ hằng quý (*trước ngày 20 tháng cuối của quý*), 6 tháng (*trước ngày 20 tháng 6 năm 2025*) và năm (*trước ngày 15 tháng 12 năm 2025*) báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, theo dõi.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; chủ động cập nhật các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thực hiện Kế hoạch; trên cơ sở đó, phối hợp với các đơn vị, địa phương nghiên cứu phương án tháo gỡ và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp các địa phương, đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch nhằm đảm bảo đồng bộ với định hướng, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (nếu có).

- Định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tính kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục quản lý, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao để góp phần phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số của tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn chi đầu tư phát triển Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025) tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí thực hiện theo quy định.

5. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp năm 2025 để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các giải pháp kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.

7. Sở Ngoại vụ: Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nội dung hợp tác quốc tế về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum, Cổng thông tin điện tử tỉnh; Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

9. Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, Hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh: Làm đầu mối phối hợp triển khai các ứng dụng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chuyển đổi số góp phần phát triển kinh tế số.

10. Các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ số: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các địa phương, đơn vị đề xuất thí điểm các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới, nền tảng ứng dụng trong chuyển đổi số; đồng thời, tham gia hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và khách hàng trong chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng số, đảm bảo an toàn trên không gian số.

VIII. Danh mục nhiệm vụ, dự án: Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, đúng quy định. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Kon Tum;
- Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Công ty Điện lực Kon Tum;
- Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum;
- Các Doanh nghiệp Bru chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TTPVHCC, KGVX_{TPC}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục 1
Đánh giá kết quả thực hiện năm 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Kết quả	Đánh giá	Ghi chú
I	Hạ tầng số				
1	Tỷ lệ các xã Biên giới của tỉnh được thực hiện đo kiểm tốc độ mạng viễn thông di động (đảm bảo đạt 40 Mbps)	20%	46%	Vượt	Thực hiện đo 6 xã
2	Tỷ lệ số thôn được phủ sóng băng rộng di động	99,7%	99,7%	Đạt	
II	Dữ liệu số				
1	Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh	100%	23,5%	Chưa đạt	Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Ngoại vụ; Sở Thông tin và Truyền thông đã cung cấp
2	Cung cấp dữ liệu mở (theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh)	100%	26,7%	Chưa đạt	Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Ngoại vụ; Sở Thông tin và Truyền thông đã cung cấp
III	Chính quyền số				
1	Thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến.	80%	81,12%	Đạt	1.436/1.770
2	Dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	80%	100%	Đạt	1.101/1.101

3	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia	40%	57,1%	Đạt	990/1732
4	Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	60%	100%	Vượt	459/459
5	Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	30%	86,16%	Vượt	Theo Bản đồ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia công bố
6	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	70,41%	Chưa đạt	Theo Bản đồ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia công bố
7	Hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	50%	44,2%	Chưa đạt	Theo Bản đồ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia công bố
8	Các báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	70%		Đang triển khai	Kế hoạch số 740/KH-UBND ngày 04/3/2024, phần đầu tối thiểu 70%
9	Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	55%	55%	Đạt	112/201 cuộc
10	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số	50%	68,2%	Vượt	

	ơ bản.				
IV	Kinh tế số				
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	>5%	12%	Vượt	Ước thực hiện
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	3%	3,01%	Đạt	Ước thực hiện
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ (<i>Giao dịch thương mại điện tử bán lẻ/tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</i>)	>3%	3,08%	Đạt	Thông tin dữ liệu về báo cáo đánh giá chỉ số TMĐT Việt Nam năm 2024
4	Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt (<i>Tỷ lệ thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh/tổng lượt thanh toán viện phí tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</i>)	$\geq 15\%$	23,05%	Vượt	
5	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng chuyển đổi số	>3%	30%	Vượt	
6	Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể có sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử	>2%	2,04	Đạt	Thông tin dữ liệu về báo cáo đánh giá chỉ số TMĐT Việt Nam năm 2024
7	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	>60%	70,85%	Vượt	158/223
V	Xã hội số				
1	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh.	>80%	80,02%	Đạt	394413/492876
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	>65%	59,47%	Chưa đạt	

3	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có tài khoản định danh điện tử	>80%	90,89%	Vượt	Tài khoản VNeID
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	>5%	2,6%	Chưa đạt	
5	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	>75%	83%	Vượt	
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	>60%	90,89%	Vượt	Tài khoản VNeID
7	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	>85%	85,3	Vượt	
8	Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục	70%	52,40%	Không đạt	
9	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục có ứng dụng nền tảng số trong giảng dạy	>60%	100%	Vượt	
10	Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh (công lập) có kết nối với cơ sở tuyến trên để hội chẩn trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	>10%	12,9%	Vượt	Triển khai thí điểm Hệ thống tư vấn khám chữa bệnh từ xa Vtelehealth tại 15/116 cơ sở KCB công lập
11	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đáp ứng các trường thông tin cơ bản	>20%	39%	Vượt	
12	Tỷ lệ bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, thành phố triển khai phương thức thanh toán điện tử không dùng tiền mặt	100%	100%	Đạt	100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện thành phố đã triển khai thanh toán điện tử

					không dùng tiền mặt như Mobile Money hoặc thẻ (POS) hoặc QR Code.
VI	An toàn, an ninh mạng				
1	Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	83%	Không đạt	
2	Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	>50%	31,5%	Không đạt	
3	Các trang, Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng	100%	69%	Không đạt	Tỉnh: 96%; Huyện: 100% Xã: 54%

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024

1. Thể chế số

a) Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quan trọng để triển khai Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số trong năm 2024, cụ thể:

- Quyết định số 2054/QĐ-BCĐ ngày 12/06/2024 về kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum; Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0.

- Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024; Kế hoạch sửa đổi nội dung tại Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện

Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050" trên địa bàn tỉnh.

b) 100% các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của ngành, đơn vị, địa phương trong năm 2024.

2. Về Chính quyền số

- Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm dùng chung bảo đảm tập trung, thông suốt, đáp ứng yêu cầu điều hành của chính quyền các cấp trên môi trường số: (1) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; (2) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; (3) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; (4) Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh; (5) Hệ thống phần mềm theo dõi chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh (6) Cổng Thông tin điện tử tỉnh; (7) Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; (8) Trục kết nối chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP).

- Đối với Công bố sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 về phê duyệt công bố sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Theo đó, phê duyệt danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; danh mục TTHC chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến và danh mục TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống của Bộ ngành trung ương, cụ thể:

+ Phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC cấp tỉnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm 1.135 TTHC (904 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 231 dịch vụ công trực tuyến một phần).

+ Phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC cấp huyện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm 193 TTHC (137 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 56 dịch vụ công trực tuyến một phần).

+ Phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC cấp xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm 87 TTHC (48 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 39 dịch vụ công trực tuyến một phần).

+ Phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh mục TTHC chung các cấp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm 21 TTHC (12 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 09 dịch vụ công trực tuyến một phần).

+ Phê duyệt danh mục 334 TTHC chưa đáp ứng yêu cầu triển khai việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một

phần trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử của các sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

+ Phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh mục 152 TTHC tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến so với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp.

Như vậy, năm 2024 có kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; danh mục TTHC không cung cấp dịch vụ công trực tuyến và danh mục dịch vụ công trực tuyến cắt giảm thời gian giải quyết thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum, như sau:

+ Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100% (1.101 đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình). Hoàn thành chỉ tiêu giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ.

+ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC trên địa bàn tỉnh đạt 62,2% (1.101/1.770). Vượt chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia theo Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 12/01/2024 về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024 (chỉ tiêu giao là 40%).

+ Tỷ lệ TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh đạt 81,12% (1.436/1.770). Vượt chỉ tiêu 80% về thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến theo Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 12/01/2024 về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024.

- Tổng số lượng dịch vụ công có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) của tỉnh: 575, trong đó số lượng DVCTT Toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 207 (chiếm 36%).

- Tổng số hồ sơ giải quyết TTHC: 193.219, trong đó số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến DVCTT toàn trình: 57.155 (chiếm 29,6%).

- Công tác số hóa hồ sơ: Tỉnh Kon Tum đã hoàn thành triển khai trên địa bàn tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại 03 cấp trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2024 (15/12/2023 đến 10/12/2024), các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Kết quả cụ thể: cấp tỉnh đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ 65.532/75.396 hồ sơ (đạt tỷ lệ 86,91%); số hóa kết quả 65.517/75.529 hồ sơ (đạt tỷ lệ 83,07%); cấp huyện đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ 19.166/20.417 hồ sơ (đạt 93,87%), số hóa kết quả 15.513/19.567 hồ sơ (đạt 79,28%); Cấp xã đã thực hiện số hóa thành phần hồ sơ 82.078/95.789 hồ sơ (đạt 86,91%), số hóa kết quả 84.986/95.470 hồ sơ (đạt 89,02%). Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa còn thấp (đạt 0,13%).

- Triển khai thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông:

+ Liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi: 916 hồ sơ, tỷ lệ trực tuyến đạt 100%.

+ Liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí: 172 hồ sơ, tỷ lệ trực tuyến đạt 100%.

- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của toàn tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử: 99.48%; Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh: 1.391.386 văn bản.

* *Khó khăn, vướng mắc:*

- Trang thiết bị ứng dụng CNTT nhiều nơi lạc hậu (cấu hình thấp, xuống cấp), nhất là cấp cơ sở như xã/phường làm ảnh hưởng đến việc triển khai các ứng dụng dùng chung phục vụ chính quyền số.

- Số hồ sơ dịch vụ công được xử lý trực tuyến còn thấp, thanh toán trực tuyến chưa được người dân, doanh nghiệp thực hiện hiệu quả.

- Đội ngũ công chức, viên chức tham mưu công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương thiếu về số lượng và kiến thức, kỹ năng tham mưu tổ chức triển khai chuyển đổi số.

3. Về phát triển Kinh tế số

- *Về Thương mại điện tử:* Duy trì sàn thương mại điện tử của tỉnh, đưa thông tin doanh nghiệp, sản phẩm của tỉnh lên hệ thống với sự tham gia của 349 tổ chức, cá nhân với 588 sản phẩm của tỉnh nhằm quảng bá giới thiệu sản phẩm của địa phương trên môi trường mạng; Vận hành hệ thống hội chợ, triển lãm trực tuyến. Nền tảng giao hàng tiết kiệm, giao hàng nhanh... đã dần tiếp cận đến các xã, góp phần thúc đẩy phát triển thương mại điện tử ở khu vực nông thôn.

- *Ứng dụng trong lĩnh vực thuế:* Tổng số tiền thanh toán qua eTax Mobile đạt khoảng 9,2 tỷ đồng; 100% cá nhân, hộ gia đình được giải quyết hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; 100% người nộp thuế đủ điều kiện theo quy định đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, đến nay tổng số người nộp thuế đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử là 3.795 người nộp thuế; 100% người nộp thuế đăng ký sử dụng khai thuế, nộp thuế điện tử trên Cổng dịch vụ thuế điện tử.

- *Trong lĩnh vực y tế:* có 100/116 cơ sở y tế được trang bị đầu đọc QR code có thể đọc được thẻ CCCD, đạt tỷ lệ 86,21%⁸. Triển khai Hệ thống tư vấn khám chữa bệnh từ xa Vtelehealth⁸. Năm 2024, triển khai thí điểm tại 15/116 cơ sở KCB công lập (đạt 12,9%).

- *Trong lĩnh vực giáo dục:* có 175/334 cơ sở giáo dục công lập thực hiện thu học phí thanh toán không dùng tiền mặt đạt 52,40%.

- *Trong lĩnh vực Nông nghiệp:* triển khai Hệ thống CSDL ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn: csdlnongnghiep.kontum.gov.vn và Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản: nongsan.kontum.gov.vn.

⁸ Kế hoạch số 1269/KH-SYT ngày 11/4/2024

- Về doanh nghiệp và nhân lực công nghệ số: toàn tỉnh có 23 doanh nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số; Tổng nhân lực CNTT của tỉnh là 128 lao động.

- Về thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC: Năm 2024, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả việc thanh toán trực tuyến phí và lệ phí giải quyết TTHC và nghĩa vụ tài chính về đất đai. Trong đó, đã phát sinh 92.063 giao dịch thanh toán trực tuyến phí và lệ phí giải quyết TTHC thành công với tổng số tiền thanh toán trực tuyến trên 6,5 tỷ đồng; 4.595 giao dịch thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai, với số tiền trên 13,2 tỷ đồng. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến theo Bộ chỉ số Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 84,05%, đứng thứ 2/63 tỉnh, thành phố.

** Khó khăn, vướng mắc*

- Các ứng dụng CNTT y tế đang được triển khai rộng rãi trong ngành y tế, tuy nhiên chất lượng chưa đồng đều, đồng bộ; các ứng dụng, thiết bị thiếu sự kết nối, liên thông.

- Doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh rất ít.

- Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

4. Về Xã hội số

- Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại di động 84% dân số, điện thoại thông minh 92% dân số trưởng thành. Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng (hoặc tổ chức được phép khác) là 83%; tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử: 85,3%, trong đó 84,5% dân số được cập nhật thông tin về sức khỏe.

- Cơ bản hoàn thành việc đồng bộ, xác thực dữ liệu bảo hiểm với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư 505.747/511.580 trường hợp, đạt tỷ lệ 98,86%.

- Từ đầu năm đến tháng 10/2024 có 237.731 lượt người dùng thẻ Căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VNeID thay thế thẻ Bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh, chiếm tỷ lệ 34,52% tổng số lượt khám chữa bệnh.

- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện thành phố đã triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt như Mobile Money hoặc thẻ (POS) hoặc QR Code. Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt từ đầu năm đến ngày 15/10/2024: 11,2 tỷ đồng, chiếm 22,87% trong tổng giá trị thanh toán.

- Triển khai Sổ sức khỏe điện tử: 100% cơ sở khám bệnh chữa bệnh công lập từ tỉnh đến huyện và xã, 02 bệnh viện tư nhân (Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An, Bệnh viện Mắt Kon Tum) và 02 phòng khám đa khoa (Phòng khám Đa khoa tim chủng Hạnh Tâm, Phòng khám Đa khoa Hà Nội) khai liên thông dữ liệu khám chữa bệnh với Cổng dữ liệu giám định bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội, tỷ lệ gửi dữ liệu liên thông đúng ngày trên Cổng giám định bảo hiểm y tế đã đạt trên 95% hồ sơ gửi.

- Thực hiện rà soát, làm sạch 80.437/81.150 trường hợp, đạt 99,12% và chi trả an sinh xã hội dưới hình thức không dùng tiền mặt 5,5 tỷ đồng.

- Tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức 1 trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 23,72%; tỷ lệ kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên tổng số hồ sơ được phê duyệt đạt 90,89%.

** Khó khăn, vướng mắc*

- Tỷ lệ người dùng internet còn thấp, nguyên nhân cước internet còn cao so với mặt bằng chung của các Hộ gia đình có thu nhập thấp.

- Việc tiếp cận các dịch vụ tài chính của người dân còn khó khăn, nhất là khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Các ứng dụng phục vụ nông nghiệp công nghệ cao còn chậm triển khai.

5. Về nâng cao nhận thức số

- Các cơ quan Báo chí, Công thông tin điện tử tỉnh đã tích cực đẩy mạnh công tác truyền thông đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tính đến thời điểm hiện tại đã có 457 tin, bài viết về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số đến các tầng lớp Nhân dân.

- Hệ thống thông tin cơ sở (*đài truyền thanh huyện; đài truyền thanh xã, bản tin điện tử công cộng*) đã tích cực tham gia tuyên truyền về chuyển đổi số trên sóng phát thanh của địa phương với tần suất bình quân mỗi tháng 01 lần, kết quả có 756 tin được phát trên hệ thống thông tin cơ sở.

- Các tổ chức Mặt trận, Đoàn thể, chính trị đã tổ chức các lớp bồi dưỡng (*lồng ghép phổ biến các nội dung về chuyển đổi số*) nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số và an toàn trên không gian mạng cho đội ngũ cán bộ, hội viên, đoàn viên của cấp mình.

- Hoạt động sự kiện Ngày chuyển đổi số: hưởng ứng này chuyển đổi số Quốc gia (10/10), ngày 01/10/2024 tỉnh Kon Tum tổ chức các hoạt động chào mừng ngày chuyển đổi số Quốc gia với 400 đại biểu tham dự và 06 gian hàng trưng bày của các doanh nghiệp công nghệ số trong và ngoài tỉnh. Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai truyền thông Trang thông tin điện tử, fanpage, băng rôn, xe lưu động ... đã có hơn 147 băng rôn; 50 cái phướn, 320 cuốn sổ tay và 09 video clip tuyên truyền sử dụng dịch vụ công được các đơn vị sử dụng để tuyên truyền về chuyển đổi số.

6. Về phát triển dữ liệu số

- Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ việc thu thập, tích hợp, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu để các cơ quan khai thác, sử dụng.

- Công dữ liệu mở đã cung cấp 75 bộ dữ liệu thuộc 12 lĩnh vực của 31 cơ quan, đơn vị. Đã hình thành các dữ liệu nền như: CSDL doanh nghiệp, tài nguyên môi trường, cơ sở hạ tầng...

- Ngành Giáo dục và Đào tạo triển khai xây dựng kho học liệu số: đã hoàn thiện với 2.508 video bài giảng và 167 đồ dùng dạy, học liệu số cấp Tiểu học; 173 video bài giảng cấp Mầm non (đạt tỷ trọng 60%), 425 bài giảng E-learning cấp trung học (đạt tỷ trọng 14%) phục vụ học sinh và giáo viên có thể tham gia

học tập mọi lúc, mọi nơi. Đến nay, 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học. 100% cơ sở giáo dục đã khai thác có hiệu quả kho học liệu số của Sở/Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, sử dụng có hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác dạy và học như: Master-Elearning, Microsoft Teams, Azota, padlet, ...

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đã kết nối kỹ thuật đến **18/23** các CSDLQG/HTTT từ trung ương đến địa phương thông qua Nền tảng NDXP; trong 10 tháng năm 2024 đã khai thác sử dụng 16 dịch vụ dữ liệu, tổng số giao dịch thực hiện qua LGSP là 432.617 giao dịch.

** Khó khăn, vướng mắc*

- Dữ liệu quản lý của các cơ quan, đơn vị được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh còn thấp.

- Nguồn kinh phí cho việc số hóa hình thành CSDL lớn, do đó các đơn vị, địa phương không đủ nguồn lực để triển khai.

- CSDLQG/HTTT của các Bộ, ngành⁽⁹⁾ chưa được chia sẻ, kết nối với địa phương.

7. Về phát triển hạ tầng số

- 100% số xã, phường, thị trấn đã phủ sóng thông tin di động (3G, 4G); Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh 80,02%.

- Cuối năm 2024, hạ tầng 5G đã được các doanh nghiệp tích cực triển khai với 34 trạm phát sóng, cơ bản đã phủ khu vực trung tâm thành phố Kon Tum (ngày 15/10/2024, dịch vụ 5G đã được Viettel Kon Tum chính thức khai trương cung cấp dịch vụ).

- 100% số xã, phường, thị trấn có mạng cáp quang, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang băng rộng: 59,47%.

- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng đã triển khai đến các cơ quan nhà nước các cấp với 175 điểm kết nối.

- Hệ thống WiFi được các địa phương chú trọng đầu tư lắp đặt tại các khu vực du lịch, nhà rộng phục vụ nhân dân, bộ phận tiếp nhận và kết quả TTHC của UBND cấp xã...

** Khó khăn, vướng mắc*

- Kon Tum là tỉnh miền núi, có địa hình phức tạp, dân cư sống thưa thớt, từ đó, việc phát triển hạ tầng viễn thông còn gặp nhiều khó khăn. Hạ tầng viễn thông và internet ở một số khu vực thuộc xã vùng sâu, vùng xa còn chưa đảm bảo, sóng điện thoại di động 3G, 4G một số điểm dân cư còn yếu. Hạ tầng internet băng rộng chưa phủ đến hộ gia đình.

⁽⁹⁾ Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); Công liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính); Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của Bộ Tài chính; Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN);

- Việc triển khai hạ tầng thông tin di động tại các khu vực vùng sâu, vùng xa đang còn gặp khó khăn như: vướng quy định đất lâm nghiệp, đất rừng; khu vực chưa có điện lưới, khu vực có mật độ dân cư ít...

8. Về đảm bảo An toàn thông tin mạng

- Triển khai Hệ thống giám sát mã độc tập trung với 5.893 máy tính của cán bộ, công chức, viên chức cài đặt phần mềm phòng chống mã độc có bản quyền và kết nối, chia sẻ dữ liệu mã độc với Trung tâm giám sát không gian mạng Quốc gia.

- Hệ thống đảm bảo an toàn thông tin (SOC) tỉnh thực hiện giám sát 29 thiết bị và 34 website, đã kết nối và chia sẻ thông tin giám sát với Trung tâm Giám sát không gian mạng quốc gia.

- Có 93 website được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Toàn tỉnh có 82,8% hệ thống thông tin phê duyệt cấp độ và triển khai các giải pháp an toàn thông tin.

- Triển khai đầy đủ bảo đảm an toàn thông tin 04 lớp theo yêu cầu của Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức 01 khóa tập huấn về ATTT mạng và diễn tập ATTT đối với các hệ thống thông tin cấp độ 1, 2 của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

** Khó khăn, vướng mắc*

- Việc xây dựng Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và phương án an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin (nhất là đối với hệ thống thông tin cấp xã) còn nhiều lúng túng.

- Nguồn nhân lực có chuyên môn về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh rất ít, Đối với cấp huyện, xã hầu như không có.

9. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Phối hợp với Cục chuyển đổi số Quốc gia tổ chức 06 khóa bồi dưỡng cho 826 cán bộ, công chức, viên chức (*là thành viên Ban Chỉ đạo CDS tỉnh; Nhân sự CDS sở, ban, ngành tỉnh, cấp huyện, doanh nghiệp; Nhân sự CDS cấp xã; Nhân sự CDS báo chí, truyền thông*).

- Tổ chức 01 Lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số cho Lãnh đạo các cấp với 150 người. 01 lớp cho 350 công chức, viên chức về cập nhật kiến thức về chuyển đổi số. Các địa phương như: Đắk Hà, TP Kon Tum, Ngọc Hồi tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số cho công chức, viên chức trên địa bàn.

- Đã tổ chức triển khai tập huấn, hướng dẫn hơn 300 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh (01 lớp tại huyện Đắk Glei, 01 lớp tập trung toàn tỉnh) về thực hiện quy trình nghiệp vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng kết quả số hóa, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo: Hội thảo khoa học: "Chuyển đổi số trong nông nghiệp hướng đến phát triển nông thôn thông minh trong phát triển nông

thôn mới tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025" (ngày 24/7/2024); Hội nghị về chuyển đổi số với chủ đề "Giải pháp về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Ứng dụng Blockchain và AI thúc đẩy kinh tế số cho tỉnh Kon Tum", với các nội dung như: Thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia .vn; Giải pháp chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum; Nền tảng đào tạo trực tuyến mở Mobiedu-moocs,...

III. Kinh phí thực hiện các dự án về chuyển đổi số năm 2024¹⁰

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
1	Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa tài liệu và Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	Bổ sung thiết bị công nghệ thông tin: Hệ thống máy chủ cho Datacenter; hệ thống số hóa dữ liệu (phần mềm số hóa tài liệu, máy scan, máy chủ và hệ thống lưu trữ); hệ thống đảm bảo an toàn thông tin theo quy định. Bổ sung thiết bị phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, phòng họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phòng họp trực tuyến của Tỉnh ủy và phòng họp tại các Huyện ủy	20.050	NSDP (đầu tư)	Trang thiết bị CNTT
2	Duy trì thuê đường truyền giao ban trực tuyến; hoạt động Cổng TTĐT tỉnh và Trang TTĐT thành phần Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Duy trì hoạt động Hệ thống giao ban trực tuyến của UBND tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh và Trang TTĐT Văn phòng UBND tỉnh	1.569	NSDP	Đường truyền số liệu chuyên dùng Hệ thống giao ban trực tuyến của UBND tỉnh;

¹⁰ Tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024: Kinh phí bố trí cho các đơn vị khối tỉnh thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng và phát triển các hệ thống, nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, tổng cộng: 35.503 triệu đồng, đạt 1,84% so với tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh 1.926.832 triệu đồng, đảm bảo cao hơn tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
						hạ tầng lưu lưu trữ Cổng TTĐT tỉnh và Trang TTĐT Văn phòng UBND tỉnh
3	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và địa phương khác thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia để xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng	1.815	NSDP	Hệ thống đã triển khai đến 100% cơ quan tỉnh, huyện, xã và kết nối, liên thông với hệ thống của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương khác qua Trục liên thông văn bản quốc gia

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
4	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu Công Dịch vụ Công quốc gia; Hệ thống EMC; các hệ thống chuyên ngành của các Bộ qua Trục liên thông chia sẻ dữ liệu LGSP và NGSP	2.309	NSĐP	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh
5	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn; kết nối với Hệ thống báo cáo của Chính phủ	1.600	NSĐP	Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác
6	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống tự động giải đáp thông tin giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (<i>Trợ lý ảo</i>)	Văn phòng UBND tỉnh	Triển khai Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp, tích hợp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu	210	NSĐP	Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
	<i>phục vụ người dân, doanh nghiệp</i>		với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh			nghiệp
7	Duy trì hoạt động trang TTĐT thành phần của các đơn vị thuộc tỉnh (tiền điện; tiền ADSL; tiền lương bảo vệ, kỹ thuật viên...); Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng	Sở Thông tin và Truyền thông	Duy trì các hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh	475	NSDP	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh
8	Duy trì nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Kon Tum (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Phục vụ kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh, giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh với các CSDL/HTTT của các Bộ, ban ngành Trung ương	2.217	NSDP	Thực hiện 18 HTTT/CSDL
9	Duy trì hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh (@kontum.gov.vn)	Sở Thông tin và Truyền thông	Cung cấp thư điện tử công vụ đến tất cả cán bộ, CC, VC trên địa bàn tỉnh	597	NSDP	7.808 tài khoản của CBCCVC
10	Phần mềm phòng chống mã độc tập trung theo cơ chế End point Security cho tất cả các máy tính trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Trang bị phần mềm (License) ngăn ngừa mã độc và hệ thống ngăn chặn tấn công có chủ đích nhằm tăng cường khả năng bảo mật, phòng chống tấn công mạng cho các máy tính, máy chủ của tỉnh	2.481	NSDP	5.539 máy của CBCCVC trên địa bàn tỉnh
11	Duy trì hệ thống giám sát thông	Sở Thông	Phục vụ theo dõi và đo lường mức	133	NSDP	Thực hiện

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
	tin trên mạng phục vụ theo dõi, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh Internet	tin và Truyền thông	độ lan truyền thông tin trên mạng Internet theo hình thức thuê dịch vụ nhằm giám sát, kịp thời ngăn chặn các thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gây hoang mang trong dư luận xã hội, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ uy tín của cơ quan nhà nước và hệ thống chính trị.			báo cáo cấp trên hàng tuần
12	Duy trì Trung tâm giám sát và điều hành ứng phó sự cố an toàn thông tin (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai hệ thống giám sát ATTT cho các hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp	1.896	NSĐP	Hệ thống giám sát tập trung
13	Tổ chức tập huấn và triển khai các chính sách ATTT theo tiêu chuẩn ISO 27001 và đào tạo kỹ năng ứng phó sự cố, bảo đảm ATTT mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố và Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ chính quyền điện tử	250	NSĐP	Tổ chức 5 lớp, 01 lớp 80 học viên, 3 ngày/lớp
14	Thuê Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Kon Tum	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhằm cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh còn có chức năng thu thập tổng	960	NSĐP	Hệ thống kết nối với Đài Truyền thanh cơ sở, Bản tin điện tử

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
			hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.			công cộng và kết nối với Trung ương
15	Thuê Kho cơ sở dữ liệu dùng chung	Sở Thông tin và Truyền thông	Kho CSDL dùng chung tỉnh Kon Tum thực hiện tích hợp để thu thập các nguồn CSDL của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum	2.499	NSDP	Kho CSDL và Cổng dữ liệu mở tỉnh Kon Tum
16	Thuê dịch vụ CNTT phần mềm chấm điểm chuyển đổi số (DTI)	Sở Thông tin và Truyền thông	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống phần mềm thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương	304	NSDP	Phần mềm chấm điểm chuyển đổi số (DTI)
17	Xây dựng Phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Sở Tài chính	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý giá, góp phần cải cách công tác quản lý và phục vụ tốt cho nhu cầu về các thủ tục cải cách hành chính	2.965	NSDP	Phần mềm CSDL về giá
18	Thuê dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học triển khai trong ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phục vụ ký số và chứng thực chữ ký số các hồ sơ giáo dục tại cơ sở giáo dục phổ trên địa bàn tỉnh, gồm: ký số hồ sơ quản lý giáo dục, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, các báo cáo chuyên môn	990	NSDP	Cấp chữ ký số cho giáo viên

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
19	Thuê phần mềm trung tâm điều hành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhằm thu thập, quản lý, khai thác CSDL ngành giáo dục; đồng bộ, liên thông tự động với cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục Đào tạo; giúp nâng cao công tác điều hành, quản lý, giảng dạy và học tập. Kịp thời đưa ra các quyết định điều hành, nắm bắt tình hình hoạt động phát triển trong lĩnh vực giáo dục	665	NSDP	Hệ thống Trung tâm điều hành Giáo dục tỉnh Kon Tum
20	Thuê dịch vụ phần mềm học tập trực tuyến ngành GDĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến của ngành Giáo dục tỉnh Kon Tum tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và đánh giá chất lượng học sinh qua những bài giảng và đề thi được biên tập nhanh chóng, thuận tiện	759	NSDP	Hệ thống phần mềm học tập trực tuyến
21	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc, trên cơ sở mục tiêu điện tử hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao hiệu quả	759	NSDP	Phần mềm quản lý hồ sơ CBCC,VC

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
			công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của các cấp có thẩm quyền tham mưu thực hiện về chế độ, chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ Trung ương đến địa phương.			
22	Thuê cơ sở hạ tầng và vận hành phần mềm chấm điểm CCHC	Sở Nội vụ	Duy trì phần mềm chấm điểm cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	99	NSDP	Hạ tầng lưu trữ
23	Triển khai Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Ban Dân tộc tỉnh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; Cung cấp kênh thông tin đáp ứng việc truy xuất, cung cấp các dữ liệu về DTTS trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phép công bố hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác	461	NSDP	Hệ thống quản lý CSDL về dân tộc
24	Triển khai thuê dịch vụ CNTT hệ thống quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp	Thanh tra tỉnh	Nhằm giải quyết việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các đơn vị sẽ được kiểm soát, xử lý trùng lặp, giảm thiểu thời gian rà soát của cán bộ làm công tác kế hoạch, tổng hợp; Thuận tiện cho Lãnh đạo trong công tác quản lý, theo dõi tiến độ, số liệu	197	NSDP	Phần mềm quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
			báo cáo và tình hình thực hiện.			
25	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023 - 2026	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Phục vụ công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư của Nhà đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác) trên địa bàn tỉnh	400	NSDP	Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư
26	Phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện - HIS	Sở Y tế	Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện (Quản lý toàn bộ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện theo các quy trình của Cục quản lý khám chữa bệnh ban hành)	1.941	NSDP	Phần mềm Quản lý tổng thể bệnh viện
27	Phần mềm Quản lý y tế cơ sở	Sở Y tế	Quản lý toàn bộ các nghiệp vụ khám chữa bệnh cũng như phòng bệnh của ngành y tế tại các tuyến cơ sở (Sở y tế, Trung tâm y tế huyện, các phòng khám cũng như trạm y tế xã)	204	NSDP	Phần mềm Quản lý y tế cơ sở
28	Phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Cung cấp cho mỗi người dân một bản hồ sơ điện tử theo dõi tình hình sức khỏe bản thân từ lúc sinh ra đến khi mất đi. Dữ liệu sức khỏe người dân được liên thông với nhau giữa các cơ sở y tế.	577	NSDP	Phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử
29	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành	Sở Nông nghiệp và	- Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu làm nền tảng thúc đẩy	1.221	NSDP	Hệ thống CSDL ngành

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Kết quả
	nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2024	Phát triển nông thôn	chuyển đổi số ngành nông nghiệp, nông thôn - Số hóa cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở ngành nông nghiệp		(sự nghiệp)	Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản

Phụ lục 2

Cơ sở pháp lý xây dựng kế hoạch

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Văn bản Trung ương

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 về Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Công điện số 33/CD-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;
- Văn bản số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;
- Văn bản số 4338/BTTTT-CĐSQG ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Khung triển khai dịch vụ công trực tuyến.

2. Văn bản địa phương

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 2039/KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 123/KH-TU ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Kế hoạch số 3894/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 8 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1319/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển Chính quyền số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3549/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3698/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 3148/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển hạ tầng số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 sửa đổi nội dung tại Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện "Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số" trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 487/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 triển khai thực hiện Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2024 triển khai thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2301/KH-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2024 triển khai Chương trình Hiện diện trực tuyến với tên miền quốc gia ".vn" trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2025;

- Kế hoạch số 2391/KH-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 2684/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 triển khai thực hiện Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3584/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Phụ lục 3**Danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Nội dung	Mục tiêu, quy mô	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án mới hay chuyển tiếp	Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)	Nguồn vốn	Văn bản Quy định/Chủ trương	Ghi chú
I	Các nhiệm vụ, dự án trọng tâm				70,322			
1	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh	Tiếp tục duy trì sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, địa phương khác thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia để xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ chuyển tiếp	1,807	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 3339/UBND-KGVX ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh	
2	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Tiếp tục duy trì sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu Cổng Dịch vụ công quốc gia; Hệ thống EMC; các hệ thống chuyên ngành của các Bộ qua Trục liên thông chia sẻ dữ liệu LGSP và NGSP	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2,304	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 3338/UBND-KGVX ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh	

3	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh	Triển khai cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện phục vụ công tác thống kê báo cáo; dữ liệu quản lý được tập trung và đồng nhất; tất cả các chuyên viên có thể quản lý các dữ liệu, trích lọc dữ liệu dễ dàng. Hình thành CSDL kết nối với Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ chuyển tiếp	1,600	NSDP (Vốn SN)	Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh	
4	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống tự động giải đáp thông tin giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Kon Tum (<i>Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp</i>)	Tiếp tục triển khai tích hợp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ chuyển tiếp	210	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 13/UBND-KGVX ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh	

5	Triển khai Cổng TTĐT tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Triển khai Cổng TTĐT tỉnh bao gồm các Trang TTĐT các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã là thành phần của Cổng TTĐT tỉnh; triển khai kết nối, tích hợp với Cổng TTĐT Chính phủ, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số	Văn phòng UBND tỉnh	Nhiệm vụ mới	1,565	NSĐP (Vốn SN)	Công văn số 1347/UBND-KGVX ngày 19/4/2024	
6	Duy trì hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh (@kontum.gov.vn)	Cung cấp thư điện tử công vụ đến tất cả cán bộ, CC, VC trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	682	NSĐP (Vốn SN)	Văn bản số số 09/UBND-KGVX ngày 02/01/2020	
7	Duy trì Phần mềm phòng chống mã độc tập trung theo cơ chế End point Security cho tất cả các	Trang bị phần mềm (License) ngăn ngừa mã độc và hệ thống ngăn chặn tấn công có chủ đích nhằm tăng cường khả năng bảo mật, phòng chống tấn công mạng cho các máy tính, máy chủ của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2,481	NSĐP (Vốn SN)	Văn bản số số 09/UBND-KGVX ngày 02/01/2020	

	máy tính trên địa bàn tỉnh							
8	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Kon Tum (LGSP)	Phục vụ kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh, giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh với các CSDL/HTTT của các Bộ, ban ngành Trung ương	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2,852	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch 4294/KH-UBND ngày 16/11/2020	
9	Duy trì thuê hệ thống bảo đảm an toàn thông tin SOC	Triển khai hệ thống giám sát ATTT cho các hệ thống thông tin theo mô hình 4 lớp	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	1,896	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch 3636/KH-UBND ngày 25/9/2020	
10	Duy trì thuê Kho cơ sở dữ liệu dùng chung	Kho CSDL dùng chung tỉnh Kon Tum sẽ tích hợp để thu thập các nguồn CSDL của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	2,500	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 1141/UBND-KGVX ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh Kon Tum	
11	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống phần mềm thực hiện đánh giá mức độ chuyên đổi số tỉnh Kon Tum	Hệ thống giúp số hóa việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan trên địa bàn tỉnh, toàn bộ quy trình đánh giá được thực hiện trên môi trường Internet, đảm bảo dữ liệu được xuyên suốt, toàn vẹn, bảo mật.	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	286	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 2648/UBND-KGVX ngày 25/07/2024	

12	Duy trì thuê hệ thống thông tin nguồn	Nhằm cung cấp thông tin những thông tin thiết yếu từ trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	960	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 4222/KH-UBND ngày 10/11/2020	
13	Duy trì thuê hệ thống giám sát thông tin trên mạng phục vụ theo dõi, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh Internet	Phục vụ theo dõi và đo lường mức độ lan truyền thông tin trên mạng Internet theo hình thức thuê dịch vụ nhằm giám sát, kịp thời ngăn chặn các thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gây hoang mang trong dư luận xã hội, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ uy tín của cơ quan nhà nước và hệ thống chính trị.	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	133	NSĐP (Vốn SN)		
14	Duy trì hoạt động trang TTĐT thành phần của các đơn vị thuộc tỉnh; duy trì Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng	Duy trì các hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh (tiền điện; tiền ADSL; tiền lương bảo vệ, kỹ thuật viên...)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	475	NSĐP (Vốn SN)	Văn bản số 1104/UBND-VX ngày 13/6/2008	

15	Thuê dịch vụ CNTT Nền tảng xác thực tập trung (SSO) thống nhất cho công chức, viên chức, lao động trên địa bàn tỉnh và kết nối với Nền tảng xác thực và định danh điện tử (VNeID)	Phục vụ việc đăng nhập một lần đối với các Hệ thống đang triển khai trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	2,683	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29/12/2023	
16	Xây dựng CSDL ngành Thông tin và Truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành Hệ thống CSDL ngành Thông tin và Truyền thông như: Bưu chính viễn thông, Công nghệ thông tin, Thông tin - Báo chí - Xuất bản - Điện tử,... - Hỗ trợ quản trị bản đồ số ngành Thông tin và Truyền thông. - Hỗ trợ quản lý quy hoạch ngành Thông tin và Truyền thông. - Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp có thẩm quyền. 	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	900	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024	

17	Kinh phí Vận hành Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh	Hoạt động cung cấp thông tin, chi trả nhuận bút (tin, bài) cho chuyên trang	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	25	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 4325/KH-BCĐCĐS ngày 22/12/2023	
18	Thuê Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023 - 2026	Phục vụ công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư của Nhà đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác) trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhiệm vụ chuyên tiếp	400	NSĐP (Vốn SN)	Văn bản số 1563/UBND-KTTH ngày 24/05/2022	
19	Thuê Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Cung cấp kênh thông tin đáp ứng việc truy xuất, cung cấp các dữ liệu về dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phép công bố hỗ trợ người dân doanh nghiệp và các tổ chức khác	Ban Dân tộc	Nhiệm vụ chuyên tiếp	461	NSĐP (Vốn SN)	Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	
20	Thuê dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học triển khai trong ngành Giáo dục và Đào tạo	Việc thuê dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học để phục vụ ký số và chứng thực chữ ký số các hồ sơ giáo dục tại cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, gồm: ký số hồ sơ quản lý giáo dục, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, các báo cáo chuyên môn,...	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ chuyên tiếp	990	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022	

21	Thuê phần mềm Trung tâm điều hành giáo dục	Nhằm thu thập, quản lý, khai thác CSDL ngành giáo dục; đồng bộ, liên thông tự động với cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục Đào tạo; Đồng bộ, liên thông tự động dữ liệu với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Kon Tum; giúp nâng cao công tác điều hành, quản lý, giảng dạy và học tập. Kịp thời đưa ra các quyết định điều hành, nắm bắt tình hình hoạt động phát triển trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ chuyển tiếp	665	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022	
22	Thuê dịch vụ phần mềm học tập trực tuyến ngành GDĐT	Nhằm hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến của ngành Giáo dục tỉnh Kon Tum tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và đánh giá chất lượng học sinh qua những bài giảng và đề thi được biên tập nhanh chóng, thuận tiện.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ chuyển tiếp	759	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022	
23	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với phần mềm học bạ số	Tăng cường hiệu quả quản lý học bạ: Đảm bảo lưu trữ, truy xuất và quản lý dữ liệu học bạ của học sinh một cách nhanh chóng, chính xác và an toàn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhiệm vụ mới	1,455	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch 1469/KH-UBND ngày 17/5/2022	

24	Số hóa cơ sở dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp phục vụ tra cứu, xác minh cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh xác thực điện tử VneID	Tạo lập, tra cứu nguồn cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, quy mô trên địa bàn tỉnh	Sở Tư pháp	Nhiệm vụ mới	150	NSĐP (Vốn SN)	Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023	
25	Mua sắm trang thiết bị để triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin	Trang bị tại Sở Tư pháp và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở	Sở Tư pháp	Nhiệm vụ mới	100	NSĐP (Vốn SN)	Chỉ thị Số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024	
26	Triển khai CSDL ngành Công thương	Xây dựng, hình thành CSDL ngành công thương tỉnh Kon Tum các lĩnh vực: công nghiệp, thương mại, năng lượng.... phục vụ công tác quản lý, điều hành, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong công thương. Kết nối với CSDL dùng chung và kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Công thương	Sở Công thương	Nhiệm vụ mới	1,800	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024	

27	Triển khai chữ ký số cho nhân viên y tế phục vụ triển khai Bệnh án điện tử	Mỗi nhân viên y tế tại các bệnh viện, trung tâm y tế (Các Bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT các huyện có giường bệnh) đều có 01 chữ ký số cá nhân	Sở Y tế	Nhiệm vụ mới	1,081	NSDP (Vốn SN)	
28	Triển khai nâng cấp (Chuyển từ hệ thống vật lý lên đám mây), hoàn thiện, duy trì hệ thống CSDL đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý đất đai	Điều chuyển 02 hệ thống CSDL đất đai của tp Kon Tum và huyện Đăk Tô; Máy chủ API kết nối CSDL đất đai với Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhiệm vụ mới	636	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 3983/BTNMT-ĐKDLTTĐĐ ngày 20/6/2024
29	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Kon Tum	Hình thành CSDL phục vụ quản lý hiệu quả công tác nhà nước trong lĩnh vực môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhiệm vụ mới	3,000	NSDP (Sự nghiệp môi trường)	Công văn số 1425/UBND-NNTN ngày 13/5/2022
30	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa	Quản lý cơ sở dữ liệu CB,CCVC và CBCC cấp xã trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ chuyển tiếp	1,531	NSDP (Vốn SN)	Công văn số 14/UBND-KGVX ngày 02/01/2024

	bàn tỉnh Kon Tum							
31	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử giai đoạn 2023-2025 (tài liệu từ năm 1991-2013) và triển khai Hệ thống Quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh Kon Tum	Quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ mới	9,659	NSĐP (Vốn SN)	Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	
32	Chi vận hành và thuê cơ sở hạ tầng phần mềm chấm điểm CCHC	Duy trì phần mềm chấm điểm cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ chuyên tiếp	99	NSĐP (Vốn SN)	Công văn số 2790/UBND-KGVX ngày 10/8/2021	
33	Cập nhật sửa đổi bộ tiêu chí đánh giá cải cách hành chính trên phần mềm quản lý đánh giá cải cách hành chính tỉnh Kon Tum	Cập nhật sửa đổi bộ tiêu chí đánh giá cải cách hành chính trên phần mềm quản lý đánh giá cải cách hành chính tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ mới	95	NSĐP (Vốn SN)		

34	Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu số hóa bảo tàng, di sản văn hóa, hệ thống tích lịch sử trên địa bàn tỉnh	Triển khai phần mềm dùng chung đảm bảo đồng bộ, thống nhất; số hóa hồ sơ, tư liệu, hiện vật; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đang lưu giữ tại bảo tàng tỉnh và các di tích trên địa bàn tỉnh (di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh) được số hóa và ứng dụng trên nền tảng số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ mới	3,000	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29/12/2023
35	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu Ngành Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Kon Tum	Cung cấp công cụ chung cho phép các đơn vị tạo lập, chuẩn hóa, số hóa các dữ liệu và quản lý, khai thác các dữ liệu thuộc các lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ mới	1,500	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024
36	Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN	Duy trì trang thiết bị, đường truyền của dự án BMGF-VN tại Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ chuyển tiếp	74	NSDP (Vốn SN)	Văn bản số 556/UBND-KGVX, ngày 09/02/2021
37	Nâng cấp công thông tin điện tử về Du lịch	Công thông tin điện tử dùng để giới thiệu, quảng bá các tiềm năng, lợi thế, sản phẩm, dịch vụ du lịch của tỉnh; đăng tải, cập nhật tin tức sự kiện chủ yếu về lĩnh vực du lịch trong tỉnh và trong nước, cung cấp các thông tin cần thiết cho khách du lịch về các sản phẩm, dịch vụ du lịch của địa phương; đăng tải các cơ chế,	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ chuyển tiếp	1,500	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29/4/2022

		chính sách phát triển du lịch của tỉnh Kon Tum, ... hỗ trợ quảng bá, xúc tiến du lịch cho các tỉnh thành viên của các nhóm liên kết; Tự động hoá việc trả lời, tư vấn du khách về thông tin các địa điểm du lịch trên địa bàn						
38	Trợ lý ảo du lịch	- Mục tiêu: Tự động hoá việc trả lời, tư vấn du khách về thông tin các địa điểm du lịch trên địa bàn. - Quy mô: Xây dựng phần mềm trợ lý ảo trả lời tự động du lịch Kon Tum (ứng dụng chatbot) tích hợp trang thông tin du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ chuyên tiếp	300	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29/4/2022	
39	Số hóa điểm đến du lịch	- Mục đích: Bảo tồn di tích, di sản và tối ưu hoá trải nghiệm của người dùng bằng cách cho phép du khách truy cập liên tục các dữ liệu để nắm bắt sản phẩm và dịch vụ. - Quy mô: Số hóa điểm đến du lịch Nhà thờ gỗ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ chuyên tiếp	332	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29/4/2022	
40	Điểm tra cứu thông tin cho người dân, khách du lịch	- Mục tiêu: Triển khai các kios (màn hình tra cứu thông tin) tự động, giúp du khách tìm hiểu các thông tin các địa điểm du lịch tại địa phương. - Quy mô: nhà thờ gỗ, ngục Kon Tum, bảo tàng, 10 huyện/thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhiệm vụ chuyên tiếp	1,630	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29/4/2022	

		phố.						
41	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Số hóa hồ sơ pháp lý các đồ án quy hoạch, nắn chỉnh các bản vẽ của đồ án quy hoạch, chuẩn hóa và chuyển đổi đồ án quy hoạch xây dựng,...)	Sở Xây dựng; UBND cấp huyện; Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Nhiệm vụ mới	3,500	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024	
42	Triển khai Hệ thống quản lý CSDL về quy hoạch xây dựng, kiến trúc để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành	Hệ thống quản lý CSDL về quy hoạch xây dựng, kiến trúc dùng chung cho toàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành ra quyết định	Sở Xây dựng; UBND cấp huyện; Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh	Nhiệm vụ mới	1,750	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024	

43	Duy trì và bổ sung hoàn thiện các phân hệ Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Hoàn thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (bao gồm: Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và BVTV, Thủy sản, Lâm nghiệp, Phát triển nông thôn, Chất lượng nông lâm thủy sản, Trung tâm khuyến nông và giống cây trồng, Thủy lợi, Thông tin giá cả nông sản, Quản lý nông thôn mới,...) trên các nền tảng web và ứng dụng di động, đảm bảo kết nối dữ liệu giữa ngành nông nghiệp với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của tỉnh và cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm phục vụ công tác quản lý, theo dõi, giám sát, chỉ đạo, điều hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nhiệm vụ chuyển tiếp	2,300	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024	
44	Cập nhật, số hóa dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh và vận hành trên Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và	Dữ liệu WebGIS vùng trồng các loại cây trồng chủ lực của tỉnh theo thời gian thực được tự động cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và chia sẻ cho nhu cầu tìm hiểu cơ hội đầu tư và thu hút đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nhiệm vụ mới	5,000	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 15/3/2024	

	phát triển nông thôn							
45	Triển khai Kế hoạch, Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại Hợp tác xã, Doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Thúc đẩy các hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn ứng dụng CNTT sử dụng các nền tảng số nông nghiệp để thực hiện chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc nông sản, nâng cao năng suất, tiết kiệm nguồn lực và giảm chi phí. Phát triển kinh tế số định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp tuần hoàn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nhiệm vụ mới	3,000	NSĐP và xã hội hóa		
46	Thuê dịch vụ CNTT hệ thống quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp	Hệ thống đáp ứng các yêu cầu theo quy trình nghiệp vụ xử lý trong việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.	Thanh tra tỉnh	Nhiệm vụ chuyên tiếp	196	NSĐP (Vốn SN)	12/UBND-KGVX ngày 02/01/2024	
II	Nội dung hoạt động của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh				137			
1	Hoạt động của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh	- Các cuộc họp BCD; - Học tập kinh nghiệm; - Dự HN, Hội thảo TW tổ chức; - Kiểm tra CDS các đơn vị, địa phương số (Mỗi năm kiểm tra 04-5 Sở, ngành; 03-4 huyện và 06-8 xã; mỗi Sở, ngành: 01 ngày; huyện, xã: 02 ngày)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	137	NSĐP (Vốn SN)		

III	Tổ chức các hoạt động ngày Chuyển đổi số				237			
1	Tổ chức các hoạt động ngày Chuyển đổi số hàng năm	Lễ Phát động; Hội nghị chuyên đề, tọa đàm về chuyên đổi số; Tuyên truyền cổ động ...	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	273	NSĐP (Vốn SN)	Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022	
IV	Đào tạo, bồi dưỡng				244			
1	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số cho đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyên đổi số, công nghệ thông tin (hàng năm bổ sung, cập nhật kiến thức)	Bồi dưỡng kiến thức (05 ngày; 50 người)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	56	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22/8/2022	
2	Bồi dưỡng Kiến trúc chính quyền điện tử	Bồi dưỡng kiến thức (01 ngày; 120 người)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	28	NSĐP (Vốn SN)		
3	Truyền thông hỗ trợ kỹ năng số, đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn Thương mại	Sản xuất video clip hướng dẫn kỹ năng số cho hộ sản xuất nông nghiệp đưa sản phẩm lên sàn Thương mại điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	56	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 31/03/2022	

	điện tử							
4	Kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo Kế hoạch số 3716/KH-UBND ngày 15/10/2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ mới	104	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 3716/KH-UBND ngày 15/10/2021	
V	An toàn thông tin mạng				844			
1	Kinh phí diễn tập ứng cứu sự cố	Diễn tập ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Kon Tum (40 người/2 ngày)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	67	NSĐP (Vốn SN)	Chỉ thị số 60/CT-BTTTT ngày 16/9/2021; Văn bản số 3789/UBND-KGVX ngày 8/11/2022	
2	Tổ chức tập huấn và triển khai các chính sách ATTT theo tiêu chuẩn ISO 27001 và đào tạo khả năng ứng phó sự cố, bảo đảm ATTTT mạng (mô hình 5 lớp)	Tập huấn và triển khai các chính sách an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 và đào tạo khả năng ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng (01 ngày/40 người)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	42	NSĐP (Vốn SN)	Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 19/3/2021	

3	Kinh phí thuê dịch vụ đánh giá an toàn, an ninh thông tin	Thuê dịch vụ đánh giá an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của các đơn vị trên địa bàn tỉnh (4 lần/1 năm)	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	280	NSDP (Vốn SN)	Chỉ thị số 60/CT-BTTTT ngày 16/9/2021; Văn bản số 3789/UBND-KGVX ngày 8/11/2022
4	Kinh phí tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin (đối với các hệ thống thông tin mức độ 3 trở lên) trên địa bàn tỉnh Kon Tum	- Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum; - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum; - Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Kon Tum	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	270	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 3767/KH-UBND ngày 21/10/2024
5	Kinh phí thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”	Sản xuất các chương mục, phóng sự ngắn, trao đổi, đối thoại, tin, bài trên hệ thống phát thanh truyền hình (01 tháng 2 nội dung).	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhiệm vụ chuyên tiếp	185	NSDP (Vốn SN)	Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 08/10/2022
TỔNG CỘNG					71,784		

